

ĐỀ CƯƠNG
TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 150 NĂM
NGÀY SINH CỤ HUỲNH THỨC KHÁNG (01/10/1876 – 01/10/2026)

I. Khái lược tiểu sử và quá trình hoạt động yêu nước, cách mạng của cụ Huỳnh Thúc Kháng

Cụ Huỳnh Thúc Kháng, tên gọi lúc nhỏ là Huỳnh Văn Thước, sau đi học gọi là Huỳnh Hanh, tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, sinh ngày 01/10/1876 tại làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Thạnh Bình, thành phố Đà Nẵng). Thân phụ là cụ Huỳnh Văn Phương, một nhà nho từng theo nghiệp đèn sách và thạo nghề nông; thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Tình, người cùng quê, một phụ nữ mực thước, đảm đang.

Huỳnh Hanh vốn nổi tiếng thông minh, học giỏi, ham hiểu biết, sớm có chí hướng và đạt thành tích cao trong các kỳ thi. Năm 1900, đỗ Giải nguyên kỳ thi Hương và từ đây lấy tên gọi là Huỳnh Thúc Kháng; năm 1904, đỗ Tiến sĩ. Tuy đỗ đạt cao, Huỳnh Thúc Kháng không ra làm quan mà dồn thân vào các hoạt động yêu nước, tìm con đường canh tân, cứu dân, cứu nước.

Năm 1905, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp đi vào phía Nam, tìm hiểu tình hình thực tế, xem xét dân tình, sĩ khí, đề xướng tân học và tìm kiếm những người cùng chí hướng vận động cho phong trào Duy tân.

Năm 1906, trở về Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng cùng các đồng chí khởi xướng và lãnh đạo phong trào Duy Tân, vận động Nhân dân nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển dân sinh, góp phần tạo nên một phong trào yêu nước, canh tân mạnh mẽ ở Trung Kỳ.

Năm 1908, Huỳnh Thúc Kháng bị thực dân Pháp bắt và giam ở Nhà lao Hội An, sau đó kết án “xử tử” đày ra Côn Đảo. Trong 13 năm bị giam cầm (1908 - 1921), dù phải chịu nhiều gian khổ, hiểm nguy, Huỳnh Thúc Kháng vẫn giữ vững khí tiết, lòng yêu nước, thương dân và ý chí đấu tranh.

Năm 1921, sau khi được trả tự do, Huỳnh Thúc Kháng trở về quê hương, tiếp tục đấu tranh can trường vì dân, vì nước.

Năm 1926, Cụ được bầu làm dân biểu Trung Kỳ và được cử làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Trong thời gian hoạt động tại Viện, Cụ kiên quyết đấu tranh đòi quyền lợi cho Nhân dân, chống lại những chính sách cai trị bất công của thực dân Pháp và chính quyền tay sai; sau đó từ chức để phản đối Khâm sứ Trung Kỳ.

Năm 1927, cụ Huỳnh Thúc Kháng sáng lập báo *Tiếng Dân* tại Huế, đồng thời làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Trong suốt thời gian báo *Tiếng Dân* hoạt động đến khi bị đình bản năm 1943, Cụ đã sử dụng báo chí làm phương tiện đấu tranh, truyền bá tư tưởng yêu nước, nâng cao dân trí, bảo vệ quyền lợi của Nhân dân và cổ vũ tinh thần dân tộc.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trân trọng tài năng, đức độ và uy tín của Cụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Cụ tham gia Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đầu năm 1946, Cụ được cử làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt). Tháng 5/1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, Cụ được giao giữ chức Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trên cương vị Quyền Chủ tịch nước, Cụ tham gia giải quyết nhiều công việc quan trọng, chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ, góp phần điều hành bộ máy Nhà nước, trấn áp bọn phản cách mạng, giải quyết những vấn đề về đối nội và đối ngoại theo phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

Tháng 12/1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Đặc phái viên của Chính phủ đi kinh lý miền Trung, tuyên truyền, giải thích đường lối kháng chiến, kiến quốc, kêu gọi đồng bào ủng hộ Chính phủ, ủng hộ cách mạng.

Đầu năm 1947, Cụ tiếp tục hành trình kinh lý miền Trung. Do tuổi cao, sức yếu và lâm bệnh nặng, cụ Huỳnh Thúc Kháng từ trần tại tỉnh Quảng Ngãi ngày 21/4/1947, hưởng thọ 70 tuổi. Theo tâm nguyện của Cụ, Nhân dân an táng Cụ trên núi Thiên Ân, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29/4/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi Thư cho đồng bào toàn quốc báo tin cụ Huỳnh Thúc Kháng qua đời và tổ chức quốc tang, để tỏ lòng thương tiếc, tôn vinh một bậc đại chí sĩ “học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao”, suốt đời “phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập”.

Ngày 27/12/2012, ghi nhận những công lao, cống hiến to lớn của Cụ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, Chủ tịch nước đã truy tặng cụ Huỳnh Thúc Kháng Huân chương Sao Vàng, phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước ta.

Với cuộc đời hoạt động yêu nước, cách mạng đầy nhiệt huyết, trải qua nhiều thử thách, gian khổ, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã có những cống hiến to lớn đối với sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân quyền, dân sinh và hạnh phúc của Nhân dân; để lại tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, khí tiết, nhân cách, tinh thần tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, có giá trị sâu sắc đối với các thế hệ hôm nay và mai sau.

II. NHỮNG CÔNG HIẾN QUAN TRỌNG CỦA CỤ HUỖNH THÚC KHÁNG ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC

1. Những công hiến, đóng góp của cụ Huỳnh Thúc Kháng trong phong trào Duy Tân

Sau khi đỗ Tiến sĩ năm 1904, cụ Huỳnh Thúc Kháng không ra làm quan mà cùng các sĩ phu yêu nước như Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp tích cực tham gia phong trào Duy Tân. Cụ sớm trở thành một trong những nhân vật tiêu biểu của phong trào yêu nước và canh tân ở Trung Kỳ, chủ trương cứu nước bằng khai dân trí, chấn

dân khí, phát triển dân sinh; đồng thời đề cao tư tưởng dân quyền, thúc đẩy cải cách giáo dục, phát triển kinh tế và đổi mới xã hội.

Trong hoạt động Duy Tân, cụ Huỳnh Thúc Kháng đặc biệt coi trọng việc nâng cao nhận thức của Nhân dân. Cụ tích cực tuyên truyền, diễn thuyết ở nhiều nơi, vận động Nhân dân từ bỏ lối học khoa cử, chú trọng thực học, học chữ Quốc ngữ, tiếp thu tư tưởng tiến bộ và mở mang tri thức. Cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và các sĩ phu tiến bộ, Cụ tham gia vận động mở trường tân học, khuyến khích học tập, phát triển thương nghiệp, lập thương hội, cổ vũ sản xuất và thực nghiệp. Qua đó, một phong trào cải cách xã hội từng bước hình thành và lan rộng ở Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ.

Đối với cụ Huỳnh Thúc Kháng, khai trí phải gắn với chấn hưng kinh tế và cải thiện đời sống Nhân dân. Vì vậy, Cụ không chỉ đề cao giáo dục mà còn chú trọng phát triển thương nghiệp, thực nghiệp, khuyến khích sản xuất và nâng cao dân sinh. Cụ tích cực giao lưu, bàn bạc với những người cùng chí hướng, trong đó có Phan Bội Châu và Nguyễn Thành, góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các tổ chức, cơ sở Duy tân ở Quảng Nam.

Trong các hoạt động tuyên truyền, diễn thuyết, cụ Huỳnh Thúc Kháng tập trung vào những vấn đề thiết thực của công cuộc duy tân: khai trí, phát triển kinh tế, thực hành tiết kiệm, cải tiến đời sống, từ bỏ lối học khoa cử, đề cao thực học và tiếp thu văn hóa, tri thức phương Tây. Cụ đồng thời tích cực truyền bá tư tưởng dân quyền, vận động Nhân dân thay đổi nhận thức và chủ động tham gia vào quá trình cải cách xã hội. Hoạt động của Cụ có ảnh hưởng sâu rộng trong sĩ phu và nhân dân Quảng Nam, góp phần đưa tư tưởng duy tân từ phạm vi một bộ phận sĩ phu tiến bộ trở thành một phong trào xã hội có sức lan tỏa.

Năm 1905, cùng Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, cụ Huỳnh Thúc Kháng có những hoạt động sôi nổi tại trường thi Bình Định, qua đó thể hiện rõ thái độ phản đối lối học từ chương, đề cao thực học và tinh thần canh tân. Cùng với việc mở trường, lập hội buôn, phát triển thương nghiệp, khuyến khích học chữ Quốc ngữ và tuyên truyền tư tưởng dân quyền, những hoạt động này tạo nên những nét nổi bật của phong trào Duy tân ở Quảng Nam, trong đó cụ Huỳnh Thúc Kháng là một trong những người tổ chức, tuyên truyền và thúc đẩy quan trọng.

Năm 1908, phong trào Duy tân cùng các hoạt động vận động dân quyền, phát triển thương nghiệp và giáo dục ở Trung Kỳ bị chính quyền thực dân, phong kiến đàn áp mạnh mẽ, đặc biệt sau khi phong trào chống sưu thuế bùng nổ. Ngày 24/2/1908, cụ Huỳnh Thúc Kháng bị bắt và giải về nhà lao Hội An. Trong quá trình thẩm vấn, Cụ kiên quyết bác bỏ cáo buộc xúi giục Nhân dân nổi dậy, đồng thời khẳng định mục đích các hoạt động diễn thuyết của mình là khai trí, phát triển kinh tế, cải cách giáo dục và cổ vũ dân quyền, không phải kích động bạo loạn.

Dù bị giam cầm, tra hỏi và xét xử trong điều kiện không có đầy đủ chứng cứ, cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn giữ vững khí tiết, không khuất phục trước chính quyền

thực dân và phong kiến. Tháng 6/1908, Cụ bị kết án đày ra Côn Đảo; đến tháng 9/1908, Cụ bị đưa ra đảo, bắt đầu mười ba năm lưu đày.

Trong 13 năm bị giam cầm tại Côn Đảo (1908–1921), dù bị tước đoạt tự do và phải chịu lao động khổ sai, cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn duy trì tinh thần học tập, trao đổi tư tưởng và hoạt động cùng các tù nhân chính trị. Cụ cùng những chí sĩ yêu nước tổ chức ngâm thơ, xướng họa, bàn luận về thời cuộc, chính trị và con đường canh tân đất nước. Những hoạt động ấy không chỉ giúp các tù nhân chính trị giữ vững tinh thần trong hoàn cảnh khắc nghiệt mà còn củng cố tình đoàn kết, nuôi dưỡng ý chí đấu tranh và khát vọng giành lại độc lập cho dân tộc.

Trong tù, cụ Huỳnh Thúc Kháng tích cực tự học tiếng Pháp, nghiên cứu sách báo, tìm hiểu tình hình trong nước và thế giới, đồng thời sáng tác văn thơ thể hiện lòng yêu nước, thương dân, tinh thần tự cường và niềm tin vào tương lai dân tộc. Cùng Phan Châu Trinh và Phan Thúc Duyện, Cụ tham gia viết *Tuồng Trưng Vương*, thể hiện tư tưởng yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc và khát vọng bình quyền.

Những năm tháng Côn Đảo không làm thay đổi lập trường và lý tưởng duy tân của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trái lại, trong hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, Cụ tiếp tục tích lũy tri thức, kinh nghiệm thực tiễn và suy ngẫm về con đường cứu dân, cứu nước. Tháng 2/1921, sau 13 năm lưu đày, cụ Huỳnh Thúc Kháng được trả tự do, khép lại một chặng đường đầy gian khổ nhưng cũng làm nổi bật bản lĩnh, tư tưởng canh tân, tinh thần yêu nước và ý chí không khuất phục của một trong những chí sĩ tiêu biểu của phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX.

2. Những đóng góp của cụ Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ và Chủ nhiệm báo *Tiếng Dân* (1921–1943)

Sau 13 năm bị thực dân Pháp giam cầm, năm 1921, cụ Huỳnh Thúc Kháng được trả tự do. Trở về quê hương, Cụ tiếp tục hoạt động yêu nước bằng những hình thức phù hợp với hoàn cảnh mới. Trong giai đoạn 1921 - 1943, trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ và Chủ nhiệm, chủ bút báo *Tiếng Dân*, Cụ tích cực đấu tranh đòi dân quyền, dân sinh, cải cách chính trị và bảo vệ lợi ích dân tộc.

Cụ sử dụng nghị trường làm diễn đàn công khai để nêu những vấn đề của Nhân dân, yêu cầu chính quyền thực dân thay đổi chính sách cai trị. Cụ và các dân biểu tiến bộ đề xuất ban hành hiến pháp, mở rộng quyền tự do dân chủ, bảo vệ quyền lợi Nhân dân, đồng thời phản đối những chính sách kinh tế, xã hội bất hợp lý của chính quyền thực dân và Nam triều. Về “lập hiến”, Cụ đề xuất phân định quyền hạn giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp; mở rộng quyền hạn của Viện Dân biểu; trao quyền bầu cử cho người đóng thuế; xây dựng Thượng viện và Hạ viện. Dù vẫn nằm trong khuôn khổ chế độ bảo hộ, những đề xuất ấy cho thấy rõ yêu cầu cải tổ cơ cấu cai trị và mở rộng quyền tham gia chính trị của người dân. Nhận rõ những giới hạn của Viện Dân biểu và sự can thiệp của chính quyền thực dân, Cụ từ chức năm 1928. Hoạt động nghị trường của cụ Huỳnh Thúc Kháng thể hiện tinh thần đấu tranh công khai, thẳng thắn và ý thức bảo vệ quyền lợi Nhân dân.

Cùng với hoạt động nghị trường, cụ Huỳnh Thúc Kháng đặc biệt coi trọng hoạt động báo chí. Ngày 10/8/1927, *Tiếng Dân* ra số đầu tiên, do Cụ làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tờ báo tồn tại liên tục 16 năm, từ năm 1927 đến năm 1943, với 1.766 số. Ngay từ đầu, *Tiếng Dân* xác lập tôn chỉ cải cách, không xu phụ nhà cầm quyền và giữ tiếng nói độc lập. Báo tập trung phản ánh những vấn đề bức thiết của đời sống xã hội, nhất là tình trạng áp bức, bóc lột, thuế khóa, kinh tế, xã hội và những bất công đối với Nhân dân. Cụ Huỳnh Thúc Kháng yêu cầu thông tin phải được điều tra, xác minh; sai thì sửa, nhưng những vấn đề đã được kiểm chứng thì dù chịu sức ép vẫn kiên quyết đăng.

Năm 1933, khi thực dân Pháp lập nhà đày Buôn Ma Thuột, các tù chính trị bí mật gửi bài cho báo chí để tố cáo chế độ tù đày. *Tiếng Dân* đăng những bài viết này, tạo điều kiện để tiếng nói của người bị đàn áp đến với dư luận. Trong thời kỳ vận động dân chủ 1936 - 1939, báo tiếp tục phản ánh, cổ vũ các yêu cầu về dân sinh, dân chủ; đăng bài của những nhân vật tiến bộ, trong đó có nữ nhà báo, nhà văn Pháp A. Viôlít, phê phán chế độ cai trị và tình trạng nhân dân Đông Dương bị áp bức, bóc lột.

Ngày 14/9/1936, cụ Huỳnh Thúc Kháng công bố trên *Tiếng Dân* thư trả lời Ban Thường trực Dân nguyện Trung Kỳ, nêu thực trạng của nhân dân Trung Kỳ và các yêu cầu về chính thể, dân quyền, bầu cử, Thượng viện, Hạ viện, học vụ, y tế, báo giới, nông dân, lao động, tài chính, kinh tế và quan lại. Bản thỉnh cầu hoàn chỉnh tháng 9/1936 thể hiện những nguyện vọng và quyền lợi thiết thực của đông đảo Nhân dân, đưa *Tiếng Dân* trở thành một diễn đàn quan trọng của phong trào vận động dân chủ.

Hoạt động của *Tiếng Dân* bị mật thám Pháp theo dõi chặt chẽ. Các báo cáo của chúng cho rằng báo chí tiếng Việt ở Trung Kỳ ngày càng có hoạt động tuyên truyền rộng, trong đó *Tiếng Dân* thường đăng bài chống chế độ nhà lao, chính quyền địa phương và có những bài mang khuynh hướng Mác-xít. Tuy nhiên, *Tiếng Dân* không phải cơ quan ngôn luận của một tổ chức cách mạng mà chủ yếu theo đường lối cải cách, phê phán những chính sách gây thiệt hại cho Nhân dân và yêu cầu thay đổi bằng phương pháp ôn hòa trong giới hạn của trật tự hiện hành. Chính vì vậy, tờ báo vừa duy trì tiếng nói độc lập, vừa thường xuyên chịu sự kiểm soát của chính quyền thực dân.

Từ tháng 7/1938, trước tranh chấp Hoàng Sa giữa Pháp và Nhật, *Tiếng Dân* đăng loạt bài của Sử Bình Tử, tức cụ Huỳnh Thúc Kháng, khẳng định Hoàng Sa thuộc nước Nam. Cụ viện dẫn các tư liệu lịch sử về đội Hoàng Sa, hoạt động khai thác hải vật của người Việt và đặc biệt là *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn. Việc đưa vấn đề Hoàng Sa lên báo thể hiện rõ ý thức bảo vệ chủ quyền và trách nhiệm đối với lãnh thổ quốc gia.

Năm 1939, cụ Huỳnh Thúc Kháng xuất bản *Thi tù tùng thoại*, tập hợp thơ, ghi chép và suy ngẫm viết bằng chữ Hán trong thời gian ở Côn Đảo, sau được Cụ chép lại và dịch ra tiếng Việt. Tác phẩm chứa nhiều tư liệu về xã hội và các phong trào yêu nước, cách mạng đầu thế kỷ XX, đặc biệt là Đông du và Duy tân, có giá trị cả về văn học lẫn lịch sử.

Tiếng Dân cũng phải chịu chế độ kiểm duyệt nghiêm ngặt: mỗi số báo phải nộp bản Quốc ngữ và bản dịch tiếng Pháp cho Phủ Khâm sứ Trung Kỳ trước khi xuất bản. Đào Duy Anh từng hỗ trợ cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch báo sang tiếng Pháp. Có những bài biết chắc sẽ bị cắt nhưng Cụ vẫn đưa kiểm duyệt; phần bị cắt được để trống trên mặt báo để độc giả nhận biết sự can thiệp của nhà cầm quyền. Điều đó cho thấy Cụ chủ trương giữ tiếng nói độc lập, không biến sự kiểm duyệt của chính quyền thành sự tự kiểm duyệt của người làm báo.

Đầu những năm 1940, *Tiếng Dân* tiếp tục phản ánh tình hình quốc tế, Chiến tranh thế giới thứ hai và những tác động đối với Đông Dương. Lo ngại về ảnh hưởng của *Tiếng Dân* và những hoạt động chính trị của cụ Huỳnh Thúc Kháng, thực dân Pháp đã đình bản *Tiếng Dân* ngày 24/4/1943. Cụ Huỳnh Thúc Kháng viết bài thơ *Tiếng Dân bị đình bản ngày 24/4/1943* để ghi lại tâm trạng trước sự kiện này. Sau 16 năm hoạt động, báo đã xuất bản 1.766 số, vượt xa mong muốn ban đầu của Cụ: “đầu ra được 5, 7 số mà chết cũng vui lòng”.

Từ nghị trường đến báo chí, cụ Huỳnh Thúc Kháng nhất quán theo đuổi mục tiêu bảo vệ quyền lợi Nhân dân, đấu tranh cho dân quyền, dân sinh và cải cách xã hội. Nếu Viện Dân biểu là nơi Cụ công khai chất vấn và yêu cầu nhà cầm quyền thay đổi chính sách, thì *Tiếng Dân* là diễn đàn để phản ánh đời sống, tố cáo bất công, bảo vệ người bị áp bức và khẳng định những vấn đề thuộc lợi ích dân tộc. Qua hoạt động nghị trường, báo chí và trước tác, cụ Huỳnh Thúc Kháng tiếp tục khẳng định bản lĩnh của một chí sĩ yêu nước, một trí thức có trách nhiệm và một nhà báo kiên định trước sự kiểm soát của chính quyền thực dân.

3. Những đóng góp của cụ Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quyền Chủ tịch nước

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, từ một chí sĩ yêu nước, nhà duy tân, nhà báo và nhà văn hóa, Cụ chuyển sang trực tiếp tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, đồng hành cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc, kháng chiến và kiến quốc.

Ngày 2/3/1946, tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa I, Quốc hội chấp nhận sự từ chức của Chính phủ Liên hiệp lâm thời và trao cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiệm vụ thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Khi giới thiệu thành phần Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu cụ Huỳnh Thúc Kháng giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và đánh giá Cụ là “một người đạo đức danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết”.

Việc lựa chọn cụ Huỳnh Thúc Kháng có ý nghĩa đặc biệt. Cụ không phải đảng viên cộng sản nhưng là một chí sĩ yêu nước lão thành, có uy tín rộng rãi trong Nhân dân, giới trí thức và nhiều tầng lớp xã hội. Sự tham gia của Cụ thể hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, trọng dụng nhân tài, tập hợp mọi lực lượng yêu nước của Chính phủ cách mạng, đồng thời góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền mới.

Trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ Huỳnh Thúc Kháng phụ trách những lĩnh vực then chốt như tổ chức và củng cố chính quyền, xây dựng bộ máy hành chính, công chức, công vụ, pháp chế, hành chính, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự trị an và

phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước. Trong hoàn cảnh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa ra đời, phải đối mặt với nhiều khó khăn đối nội và đối ngoại, Cụ phát huy uy tín, kinh nghiệm và trí tuệ, bản lĩnh để cùng Chính phủ từng bước xây dựng nền móng của chính quyền cách mạng.

Ngày 22/3/1946, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng, Hoàng Minh Giám được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ và Phạm Khắc Hòe giữ chức Đồng lý Văn phòng Bộ. Việc kiện toàn nhân sự góp phần xây dựng bộ máy Bộ Nội vụ đáp ứng yêu cầu của chính quyền cách mạng trong điều kiện đất nước vừa giành độc lập.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng tham gia những nhiệm vụ đối ngoại quan trọng. Ngày 22/5/1946, Cụ được cử vào Ủy ban nghiên cứu đặc biệt các vấn đề phục vụ Hội nghị Fontainebleau. Với uy tín của mình, Cụ còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng giao tiếp xúc với các vị khách nước ngoài, trong đó có các tướng lĩnh Trung Hoa Dân quốc, góp phần nâng cao vị thế của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 27/5/1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Hội Liên Việt, được thành lập. Cụ Huỳnh Thúc Kháng được bầu làm Hội trưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Hội trưởng danh dự. Đây là một đóng góp quan trọng của Cụ trong việc mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Hội Liên Việt góp phần tập hợp rộng rãi nhân sĩ, trí thức, các tầng lớp xã hội, tổ chức chính trị, tôn giáo và những lực lượng yêu nước cùng tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Đặc biệt, ngày 29/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 82/SL, ủy nhiệm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký thay Chủ tịch những công văn thường ngày và chủ tọa các phiên họp Hội đồng Chính phủ trong thời gian Người đi vắng. Ngày 31/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp đàm phán với Chính phủ Pháp và căn dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ dĩ bất biến ứng vạn biến.”

Từ ngày 31/5 đến 21/10/1946, cụ Huỳnh Thúc Kháng vừa giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, vừa thay mặt Chủ tịch điều hành công việc thường ngày của Chính phủ, ký các công văn và chủ tọa các phiên họp Hội đồng Chính phủ. Đây là trọng trách đặc biệt trong bối cảnh chính quyền cách mạng còn non trẻ, nền độc lập chưa vững chắc và các thế lực thù địch, phản động vẫn điên cuồng chống phá. Sự tin nhiệm ấy dựa trên uy tín, bản lĩnh và kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động yêu nước và cách mạng của Cụ.

Trong điều hành công việc, cụ Huỳnh Thúc Kháng luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên những khác biệt về chính kiến. Tinh thần ấy kế thừa nhất quán quan điểm Cụ từng thể hiện trên *Tiếng Dân*: đứng về phía Nhân dân, chống áp bức và bảo vệ những quyền lợi chính đáng của họ.

Ngày 23/10/1946, trong *Lời Tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao đóng góp của cụ Huỳnh Thúc Kháng thay mặt Chủ tịch điều hành công việc Chính phủ: “Trong lúc tôi đi vắng, nhờ sự lãnh đạo sáng

suốt của cụ Huỳnh quyền Chủ tịch, sự sẵn sàng giúp đỡ của Quốc hội, sự ra sức gánh vác của Chính phủ, sự đồng tâm hợp lực của quốc dân, mà giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ”. Vai trò của cụ Huỳnh Thúc Kháng vừa có ý nghĩa tập hợp đoàn kết, và sự đóng góp thực chất vào việc xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cuối năm 1946, khi thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động quân sự và lộ rõ âm mưu xâm chiếm nước ta lần nữa, nguy cơ chiến tranh toàn quốc ngày càng cận kề, Bộ Nội vụ phải đảm nhiệm nhiều công việc cấp bách như tổ chức di chuyển, tản cư và bảo đảm hoạt động của các cơ quan Trung ương. Đầu tháng 12/1946, phương án di chuyển các cơ quan Trung ương của Đảng, Chính phủ và Quốc hội được triển khai; Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ được giao chuẩn bị lộ trình, cơ sở sơ tán, tổ chức di chuyển và ổn định hoạt động của các cơ quan. Bộ Nội vụ đồng thời là đầu mối tổ chức tản cư của các cơ quan chính quyền, đoàn thể và Nhân dân.

Trong hoàn cảnh ấy, dù tuổi cao, sức yếu, cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn nhận nhiệm vụ thay mặt Chính phủ đi kinh lý miền Trung. Cụ đến Quảng Ngãi để động viên đồng bào, chiến sĩ, truyền đạt chủ trương của Chính phủ và củng cố niềm tin vào cuộc kháng chiến. Bộ Nội vụ ghi nhận Cụ “hăng hái nhận nhiệm vụ trở về tuyến lửa miền Trung để động viên đồng bào chiến sĩ ra sức chiến đấu, tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ”.

Trong chuyến đi, cụ Huỳnh Thúc Kháng lâm bệnh nặng. Trước lúc qua đời, Cụ vẫn gửi điện văn tạ từ Chủ tịch Hồ Chí Minh, kêu gọi đồng bào, chiến sĩ tiếp tục chiến đấu, nhất định không để dân tộc Việt Nam một lần nữa rơi vào ách thực dân; đồng thời kêu gọi các đảng phái, tôn giáo đoàn kết chung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh để cứu nước.

Ngày 21/4/1947, cụ Huỳnh Thúc Kháng qua đời tại Quảng Ngãi khi đang thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ. Sự ra đi của Cụ là tổn thất lớn đối với cách mạng, Chính phủ, Nhân dân. Nhưng di sản Cụ để lại không chỉ là những đóng góp trên cương vị Bộ trưởng hay người được ủy nhiệm điều hành công việc Chính phủ, mà còn là một tấm gương về khí tiết, lòng yêu nước, thương dân và tinh thần tận tụy với Tổ quốc.

Những tác phẩm cuối đời như *Thư kêu gọi đồng bào phụ lão kháng chiến* và *Chào vĩnh quyết* cho thấy sự nhất quán trong tư tưởng của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Nếu *Tiếng Dân* từng là tiếng nói bên vực Nhân dân, mở mang dân trí và củng cố tinh thần dân tộc, thì trong những ngày cuối đời, tiếng nói ấy trở thành lời hiệu triệu toàn dân đoàn kết chống giặc, bảo vệ nền độc lập. Tinh thần “đồng tâm nhất trí”, không phân biệt giai tầng, đảng phái để cùng bảo vệ Tổ quốc chính là sự phát triển cao nhất của tư tưởng đại đoàn kết mà Cụ theo đuổi suốt đời.

Cuộc đời cụ Huỳnh Thúc Kháng để lại một bài học sâu sắc về trách nhiệm của người trí thức trước vận mệnh dân tộc: yêu nước phải gắn với hành động, thương dân phải thể hiện bằng việc làm, có chính kiến nhưng biết đặt lợi ích chung lên trên khác biệt, và khi Tổ quốc cần thì sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dù tuổi cao, sức yếu. Đó là

những giá trị làm nên nhân cách và sức sống lâu bền của một chí sĩ đã trọn đời vì nước, vì dân.

III. HỌC TẬP TÂM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CỤ HUỲNH THỨC KHÁNG, TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN, TOÀN QUÂN RA SỨC THI ĐUA, QUYẾT TÂM XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

Cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách cụ Huỳnh Thúc Kháng là tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân, bản lĩnh và tinh thần tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Từ một nhà nho yêu nước, Cụ trải qua nhiều chặng đường lịch sử: tham gia phong trào Duy tân, chịu cảnh tù đầy, hoạt động nghị trường, báo chí, rồi trực tiếp tham gia chính quyền cách mạng và giữ trọng trách Quyền Chủ tịch nước. Ở bất cứ hoàn cảnh, cương vị nào, Cụ vẫn giữ vững khí tiết, không khuất phục cường quyền, không để giàu sang làm xiêu lòng, nghèo khó làm nản chí, oai vũ làm sòn gan; luôn đặt lợi ích dân tộc và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Trước hết, cụ Huỳnh Thúc Kháng để lại bài học sâu sắc về lòng yêu nước, thương dân và trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc. Từ tư tưởng “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” đến hoạt động báo chí, nghị trường và tham gia chính quyền cách mạng, mục tiêu xuyên suốt của Cụ vẫn là giành độc lập cho dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Trên *Tiếng Dân*, Cụ phản ánh những vấn đề thiết thân của quần chúng, đấu tranh chống cường hào, lên tiếng về thuế khóa, ruộng đất, bệnh vực nông dân và người lao động nghèo. Đó là hình ảnh một người trí thức luôn gần dân, hiểu dân và đặt quyền lợi chính đáng của Nhân dân làm điểm xuất phát cho hành động.

Cùng với lòng yêu nước, khí tiết và bản lĩnh là những phẩm chất nổi bật trong nhân cách cụ Huỳnh Thúc Kháng. Suốt 13 năm ở Côn Đảo, Cụ không khuất phục trước tù đầy, coi đó là môi trường rèn luyện ý chí, tiếp tục học tập, sáng tác và giữ vững tinh thần của người yêu nước. Trên mặt trận báo chí, dù *Tiếng Dân* chịu sự kiểm duyệt gắt gao, Cụ vẫn kiên trì giữ tiếng nói độc lập, bảo vệ những giá trị của dân tộc và quyền lợi của Nhân dân. Quan niệm của Cụ: “Vì rằng ta không có quyền tự do nói những điều nên nói, mà ta lại có quyền tự do không nói những cái không nên nói” thể hiện rõ lòng tự trọng, sự trung thực và bản lĩnh của người làm báo. Đây cũng là bài học về trách nhiệm của cán bộ trước Đảng, Tổ quốc và Nhân dân: phải có chính kiến, dám bảo vệ điều đúng và không thỏa hiệp với cái sai.

Một giá trị nổi bật khác là tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Trong thời gian giữ trọng trách Quyền Chủ tịch nước, cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần tập hợp các lực lượng yêu nước, đặt lợi ích chung của Tổ quốc lên trên khác biệt về chính kiến, tổ chức hay tầng lớp. Cụ nhận thức rõ rằng khi đất nước vừa giành được độc lập, bên ngoài còn nhiều thế lực đe dọa, sự chia rẽ trong nội bộ sẽ trở thành hiểm họa. Cụ từng cảnh báo: “ngoài ngõ, trộm cướp đang rình rập, nếu trong nhà anh em bất hòa, xâu xé nhau, thì thật là họa lớn cho dân tộc” và “nước nhà độc lập mà trong nước phải nọ đả kích phái kia thật là một điều bất hạnh”. Bài học ấy vẫn nguyên

giá trị: phải tôn trọng khác biệt, phát huy điểm tương đồng, củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận và quy tụ mọi lực lượng vì lợi ích chung.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng còn để lại bài học về tinh thần tự học, tư duy độc lập, đổi mới sáng tạo và trách nhiệm của người trí thức. Từ nền học vấn Nho học, Cụ chủ động tiếp nhận tư tưởng mới, tìm hiểu các học thuyết và biến chuyển của thời đại, luôn giữ thái độ khách quan, “đúng nói đúng, sai nói sai”. Những đóng góp về báo chí, văn học, sử học cùng các tư liệu Cụ sưu tầm, ghi chép về phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa cho thấy trách nhiệm của người trí thức không chỉ với hiện tại mà còn với lịch sử và các thế hệ mai sau.

Những giá trị ấy cần được chuyển hóa thành hành động cụ thể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân cần gắn việc học tập, làm theo tấm gương cụ Huỳnh Thúc Kháng với thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Trước hết, phải củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, tăng cường đối thoại và xây dựng đồng thuận xã hội. Cán bộ, đảng viên phải thực sự gần dân, trọng dân, hiểu dân, lắng nghe và giải quyết kịp thời những vấn đề chính đáng của Nhân dân; lấy sự hài lòng và lợi ích của Nhân dân làm thước đo hiệu quả công việc. Đồng thời, cần phát huy tinh thần tự lực, tự cường, thi đua lao động, học tập, sản xuất và sáng tạo; khuyến khích mỗi cá nhân, gia đình, doanh nghiệp và tổ chức chủ động đổi mới, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển của quê hương, đất nước.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân. Cần khai thác hiệu quả tiềm năng của từng địa phương; đẩy mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển nông nghiệp hiện đại, xanh, bền vững, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và kinh tế biển phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, phải chăm lo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt chính sách đối với người có công, gia đình chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường sống.

Cùng với phát triển kinh tế, chú trọng xây dựng con người Việt Nam có lòng yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, tri thức, bản lĩnh và khát vọng cống hiến. Đặc biệt, thế hệ trẻ cần được giáo dục về lịch sử, truyền thống dân tộc và trách nhiệm công dân; chủ động học tập, làm chủ khoa học - công nghệ, rèn luyện kỹ năng, nuôi dưỡng khát vọng vươn lên và sẵn sàng đóng góp sức trẻ cho đất nước.

Trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; chủ động đấu tranh với những âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Tiếp tục nghiên cứu, tuyên truyền và giáo dục về cuộc đời, sự nghiệp, nhân cách cụ Huỳnh Thúc Kháng trong các tầng lớp Nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ. Đối với cán bộ, đảng viên, học tập cụ Huỳnh Thúc Kháng trước hết là tu dưỡng đạo đức, giữ vững bản lĩnh, sống liêm chính, tận tụy, nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kiên quyết đấu tranh với tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện xa rời quần chúng. Đối với mỗi người dân, đó là ý thức sống có trách nhiệm, đoàn kết, tự lực, học tập không ngừng và đóng góp bằng khả năng của mình cho cộng đồng và đất nước. Học tập cụ Huỳnh Thúc Kháng không phải chỉ để nhắc lại một tấm gương của lịch sử, mà quan trọng hơn là biến những giá trị Cụ để lại thành hành động. Đó là yêu nước bằng trách nhiệm, thương dân bằng việc làm, giữ vững bản lĩnh trước khó khăn, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặt lợi ích của Tổ quốc, Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Phát huy những giá trị ấy, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển; đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV và các Nghị quyết chiến lược của Đảng; phát triển đất nước nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG